TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/7/2023
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Khen

Bà Trần Thị Tuyết Nga

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2023/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc *"Xin ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 119/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Ngọc L**, sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 109A, tổ 8, ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hoàng C**, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 109A, tổ 8, ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2023 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Ngọc L trình bày:

Qua quen biết chị L và anh Nguyễn Hoàng C có tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 43, ngày 06/7/2001 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh C không lo làm ăn mà chỉ lo tụ tập bạn bè ăn chơi, không chăm lo cho gia đình, khi nhậu say anh còn đánh đập chị nhưng chị không có trình báo chính quyền địa phương vì vẫn muốn anh thay đổi tính tình, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Bản thân chị L đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh C vẫn không thay đổi nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, chị đã bỏ đi thành phố Hồ Chí Minh làm kiếm tiền sinh sống, từ lúc chị bỏ đi đến nay anh C cũng không liên lạc hay có biện pháp hàn gắn hôn nhân với chị.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng C.

Về con chung: Chị L và anh C có 02 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 22/01/1996 và Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 12/4/2003. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2023 bị đơn anh Nguyễn Hoàng C trình bày: Anh đã nhận được đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị L anh có ý kiến như sau: Chị L đã bỏ nhà đi từ tháng 4/2018 đến nay, không quan tâm đến gia đình, không về thăm con. Nay đối với yêu cầu ly hôn của chị L thì anh đồng ý ly hôn với chị. Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 22/01/1996 và Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 12/4/2003. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án vì bận đi làm, ngoài ra không có ý kiến bổ sung.

Ngày 14/4/2023 nguyên đơn chị Lê Ngọc L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L vẫn bảo lưu ý kiến theo Đơn khởi kiện và tại các biên bản hòa giải ở Tòa án.

Ngày 11/7/2023 bị đơn anh Nguyễn Hoàng C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long:

- Căn cứ Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 19, 51,53,56 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Ngọc L: Cho chị Lê Ngọc L ly hôn với anh Nguyễn Hoàng C.

- Về con chung**:** đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Ngọc L , anh Nguyễn Hoàng C có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh C theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Ngọc L và anh Nguyễn Hoàng C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 43, ngày 06/7/2001 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị L: Chị L trình bày trong thời gian chung sống chị và anh C xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh C không quan tâm chăm sóc gia đình, không lo lắng cho vợ con, anh C không lo làm ăn mà chỉ ăn chơi, lúc nhậu say còn đánh đập chị. Chị L đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai anh chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay.

Xét thấy anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng anh vẫn vắng mặt. Quá trình xác minh tại địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không nắm rõ do chị L và anh C không có trình báo và cũng không yêu cầu hòa giải về hôn nhân. Trong quá trình ly thân từ năm 2018 đến nay anh C không có biện pháp hàn gắn hôn nhân, chứng tỏ anh C không còn tha thiết đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hoà giải đoàn tụ. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2023 anh C cũng đồng ý ly hôn với chị L. Điều này thể hiện anh C và chị L đã không còn tha thiết đến hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn đã phát sinh trầm trọng, hai người đã không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng nên chị L yêu cầu ly hôn với anh C là có cơ sở. Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh C.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 22/01/1996 và Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 12/4/2003. Hiện các con chung đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Lê Ngọc L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc L.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng C.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Ngọc L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004990 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị L đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mai Ka